



THÉP SONG CÔNG CAO CẤP



Đặc điểm chính

Khả năng chống ăn mòn ứng suất tuyệt vời trong môi trường có clorua

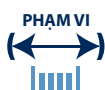
Khả năng chống ăn mòn rỗ và kẽ hở tuyệt vời

Khả năng chống ăn mòn nói chung cao

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

LỢI THẾ CHÍNH CHO khách hàng của chúng tôi



PHẠM VI
0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



GIAO HÀNG
3
TUẦN
Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



Hỗ trợ kỹ thuật

THÉP SONG CÔNG CAO CẤP có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh hoặc thép dài



Thép song công cao cấp còn được gọi là Alloy 32750, SAF 2507.

Thành phần hóa học			Thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đặc điểm chính	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	ISO 15156-3 (NACE MR 0175)	W.Nr. 1.4410 UNS S32750 2507 AWS 169	Khả năng chống ăn mòn ứng suất tuyệt vời trong môi trường có clorua Khả năng chống ăn mòn rỗ và kẽ hở tuyệt vời Khả năng chống ăn mòn nói chung cao	Thăm dò dầu khí Ứng dụng hàng hải
C	–	0.03				
Mn	–	1.2				
Si	–	0.80				
S	–	0.015				
P	–	0.035				
Cr	24.0	26.0				
Ni	6.0	8.0				
Mo	3.0	4.5				
N	0.24	0.35				
Cu	–	0.5				
Fe	bal					

Khối lượng riêng	7.8 g/cm ³	0.28 lb/in ³
Điểm nóng chảy	1350°C	2460°F
Hệ số giãn nở	13.5 µm/m °C (25 – 100°C)	7.5 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 200°F)
Mô-đun độ cứng	77 kN/mm ²	11000 ksi
Mô đun đàn hồi	200 kN/mm ²	29000 ksi

Xử lý nhiệt các bộ phận thành phẩm

Điều kiện được Alloy Wire cung cấp	Loại	Nhiệt độ		Thời gian (giờ)	Làm mát
		°C	°F		
Ủ nhiệt hoặc Nhiệt đàn hồi	Stress Relieve	250	480	1	Air

Thuộc tính

Điều kiện	Độ bền kéo tương đối		Nhiệt độ vận hành tương đối	
	N/mm ²	ksi	°C	°F
Ủ	< 1000	< 145	-200 đến +300	-330 đến +570
Nhiệt đàn hồi	1300 – 1900	189 – 276	-200 đến +300	-330 đến +570

Phạm vi độ bền kéo trên là giá trị điển hình. Hãy yêu cầu nếu có nhu cầu khác.